

Một trong những lĩnh vực thể hiện hiệu quả to lớn và không thể thiếu được của quản lý nhà nước trong công cuộc đổi mới đã diễn ra trên đất nước ta từ mấy năm qua là hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở VN.

Những kết quả bước đầu rất quan trọng trong hoạt động đầu tư, kể từ khi Luật đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại VN được ban hành từ ngày 29.12.1987 đến nay cho thấy qua các số liệu dưới đây.

Tính đến ngày 21.5.1994, trên phạm vi cả

vốn đầu tư là 461 triệu USD, chiếm 36% tổng số giấy phép đầu tư và 46% tổng vốn đầu tư so với cả nước cùng kỳ.

So sánh với các nước trong khu vực, trong 5 năm gọi vốn đầu tư nước ngoài đầu tiên, thì kết quả của VN là xấp xỉ, với 4,5 tỷ USD, so với Trung Quốc 7,7 tỷ USD.

Cơ cấu ngành đầu tư ngày càng hợp lý, phù hợp với yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế của VN. Số dự án đầu tư trong sản xuất công nghiệp chiếm 54,5% và trong các ngành sản xuất vật chất nói chung chiếm 70%.

Trên địa bàn TP.HCM, đã có 12 dự án đầu tư công

địa bàn trọng điểm kinh tế Bắc bộ (Hà Nội-Hải Phòng-Hạ Long) 29%.

Một đặc điểm nổi bật cho thấy, trong vài năm đầu, các vùng miền núi và hẻo lánh khác không có dự án đầu tư nước ngoài nào, thì đến hết 1993, ở các vùng miền núi và hẻo lánh đã có 35 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 175 triệu USD đang hoạt động.

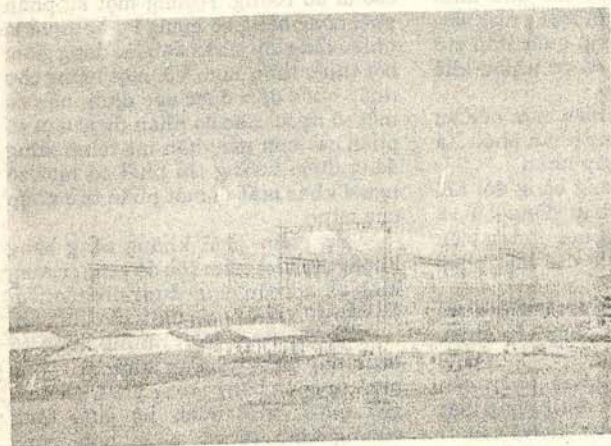
Đầu ra sản phẩm và thị trường của các dự án đầu tư nước ngoài rất đa dạng. Từ những sản phẩm có hàm lượng công nghệ thấp như hàng mỹ nghệ đan lát, dệt, may, da giày... đến trung bình như lắp ráp động cơ, xe máy, ô tô... đến hàm lượng công nghệ cao như điện tử, máy tính, tin học... Trong 6 năm (1988-1993), các dự án đầu tư nước ngoài đã tạo ra 780 triệu USD sản lượng hàng hóa và dịch vụ có thu ngoại tệ. Riêng trong năm 1993, đạt mức 330 triệu USD (không kể xuất khẩu dầu thô của Vietso Petro).

Cơ cấu thành phần đối

đăng ký nhiều nhất tại VN như Đài Loan, Hồng Kông, CH Triều Tiên, Malaysia, Singapore, Anh, Pháp, Australia, Nhật, Thái Lan (đến 31.12.1993).

Qua 6 năm hoạt động đầu tư nước ngoài đã tạo ra trên 50.000 chỗ làm việc trực tiếp và hàng trăm ngàn chỗ làm việc gián tiếp khác trong xây dựng cơ bản, sản xuất vật liệu, dịch vụ đầu tư... đã đóng góp cho ngân sách nhà nước 211 triệu USD, góp phần tích cực vào quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa và hiện đại hóa, hình thành các địa bàn kinh tế trọng điểm, các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, sản xuất thêm nhiều sản phẩm để xuất khẩu và thay thế nhập khẩu, du nhập kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào nhiều ngành kinh tế, tạo điều kiện để các nhà quản trị kinh doanh trong nước tiếp cận kinh nghiệm sản xuất kinh doanh, phương pháp quản lý hiện đại.

NHÀ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG



nước đã có: 1.021 dự án được cấp giấy phép đầu tư, với tổng số vốn đầu tư là 9,5 tỷ USD.

Riêng toàn địa bàn TP.HCM, đến ngày 21.5.1994, đã có 317 dự án đầu tư nước ngoài đang hoạt động, với tổng số vốn là 3.113 triệu USD. Riêng từ đầu năm 1994 đến nay, trên địa bàn TP.HCM đã có thêm 32 dự án đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép, với tổng

ngành trong tổng số 32 dự án được cấp giấy phép từ đầu năm 1994 trở lại đây, trong đó có nhiều dự án lớn như: Dự án liên doanh Sao Mai, sản xuất xi măng, với vốn đầu tư là 233 triệu USD.

Cơ cấu vùng, lãnh thổ đầu tư được mở rộng. Tại địa bàn trọng điểm kinh tế phía nam (TP.HCM, Biên Hòa, Vũng Tàu) đã thu hút 55% tổng số vốn đầu tư đăng ký trong cả nước cũng như tại

ĐẦU TƯ Ở VIỆT NAM

PTS. VŨ CÔNG TUẤN
Đại học kinh tế TP.HCM

tác nước ngoài rất đông đảo. Từ các công ty có quy mô vừa và nhỏ đến các công ty tập đoàn kinh tế lớn, các công ty đa quốc gia. Một ví dụ nổi bật vừa qua là công ty đa quốc gia TOTAL của Pháp đã trúng thầu thực hiện dự án xây dựng Nhà máy lọc dầu số 1 của VN, với tổng vốn đầu tư là 1,2 tỷ USD, là dự án có vốn đầu tư cao nhất từ trước đến nay.

Đã có gần 50 nước và vùng lãnh thổ đến đầu tư tại VN, bao gồm các nước công nghiệp hàng đầu (G7), các nước công nghiệp phát triển, các nước công nghiệp mới (NIC) và các nước đang phát triển khác. Có thể kể đến 10 nước có vốn đầu tư

Kết quả hoạt động đầu tư nước ngoài ở VN nói trên gắn liền với môi trường đầu tư thuận lợi đã được tạo ra trên đất nước VN đổi mới do Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý.

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ ĐẦU TƯ

Hoạt động đầu tư nước ngoài không thể có được nếu không có môi trường pháp lý đầu tư do nhà nước đề ra và quản lý.

Luật đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại VN do Quốc hội ban hành từ ngày 29.12.1987, qua hơn 6 năm thực hiện đến nay, đã qua hai lần sửa đổi, bổ sung để ngày càng hoàn thiện; với

lần sửa đổi thứ nhất vào ngày 30.6.1990 và lần sửa đổi, bổ sung thứ hai vào ngày 23.12.1992. Kèm theo là các văn bản dưới luật, bao gồm các quyết định, nghị định của chính phủ; các thông tư, hướng dẫn thực hiện của các bộ, ban, ngành liên quan.

Gần đây nhất là Nghị định 18/CP của Chính phủ, ban hành ngày 16.4.1993 đã cụ thể hóa những yêu cầu nội dung sửa đổi trong luật như:

- Cho phép các công ty tư nhân và cá nhân có pháp nhân kinh tế có quan hệ hợp tác và đầu tư trực tiếp với các nhà đầu tư nước ngoài.

- Kéo dài thời hạn tối đa của các dự án có vốn đầu tư nước ngoài từ 20 đến 50 năm, trong ngành khai thác đến 70 năm.

- Trước đây, thuế lợi tức có tới 16 mức, từ 10 đến 25% gây khó khăn trong thực hiện. Nghị định 18/CP quy định lại còn 4 mức: 10, 15, 20 và 25%, tạo điều kiện đầu tư tự mình xác định được mức thuế.

- Chỉ quy định ba vấn đề đòi hỏi đến sự nhất trí của Hội đồng quản trị gồm:

- Phương án sản xuất dài hạn, hàng năm của xí nghiệp liên doanh, nộp ngân sách và vay nợ.

- Sửa đổi, bổ sung điều lệ xí nghiệp liên doanh.

- Bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc, phó tổng giám đốc thứ nhất, kế toán trưởng.

Trong trường hợp không nhất trí được trong hội đồng quản trị có thể lựa chọn một trong các phương thức xử lý sau đây:

- Đưa vấn đề ra giải quyết tại một "Hội đồng hòa giải" có đại diện của hai bên và do đại diện của Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư làm chủ tịch hội đồng.

- Đề nghị UBND về Hợp tác và đầu tư làm trọng tài hòa giải.

- Quy định chi tiết việc bảo hộ quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư trong các trường hợp:

- Có tranh chấp, kể cả với cơ quan nhà nước.

- Có sự thay đổi về chủ trương, chính sách của nhà

nước, làm phương hại đến quyền lợi của nhà đầu tư.

Trong những năm 1992-1993, chính phủ cũng đã sửa đổi về cơ bản các quy định về xuất nhập cảnh, cấp visa, cư trú và đi lại của người nước ngoài ở VN.

Ngoài ra, các cơ quan nhà nước có chức năng đã ban hành nhiều văn bản, tài liệu hướng dẫn như:

- Hệ thống các văn bản pháp lý về đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở VN (khoảng 100 văn bản).

- Tài liệu "100 câu hỏi và trả lời về đầu tư trực tiếp của nước ngoài ở VN".

- Bản "Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài ở VN đến năm 2000".

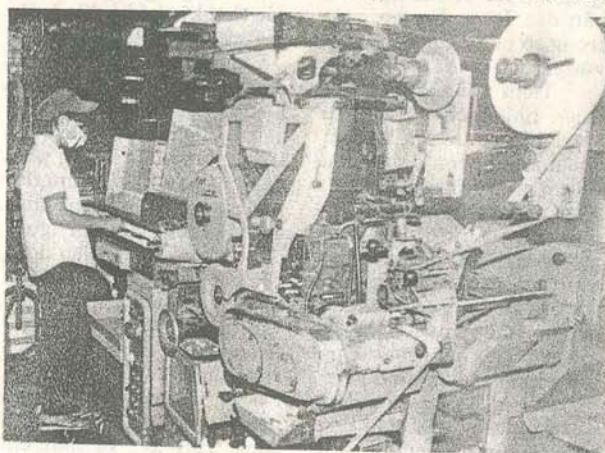
- Tài liệu "Hướng dẫn lập bản nghiên cứu khả thi

ty dịch vụ không có chức năng hoạt động gây ra làm mất thời gian, tiền của, gây ảnh hưởng tâm lý đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

NHÀ NƯỚC VÀ CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ VÍ MÔ TRONG ĐẦU TƯ

1. Nhà nước và định hướng đầu tư phát triển

Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội của VN đến năm 2000 là một văn kiện quan trọng được thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ 7 (tháng 7.1991) đã khẳng định vai trò then chốt của hoạt động và cơ cấu đầu tư trong phát triển đất nước. Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế được thực hiện thông qua hoạt động đầu tư và sản xuất



dự án mới".

- TP.HCM ban hành: "Danh mục 265 dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài đến năm 1995"

Đánh giá về môi trường pháp lý đầu tư của VN, trong một bài bình luận về tình hình kinh tế VN (Đài BBC, ngày 29.9.1992) nhận xét: "lần đầu tiên, kể từ sau chiến tranh thế giới thứ 2, VN có được thịnh vượng dư thừa 155 triệu USD và VN có một luật đầu tư cởi mở nhất châu Á".

Bên cạnh đó, còn những tồn tại về môi trường đầu tư như: còn thiếu một số luật cơ bản: Luật đầu tư trong nước (đã có dự thảo), Luật lao động (đã có dự thảo), Luật kinh doanh, Luật tài sản... Xuất hiện vài trường hợp rối loạn trong dịch vụ đầu tư, do các công

ty kinh doanh của các thành phần kinh tế, dưới tác động của cơ chế thị trường, được Nhà nước hướng dẫn và thúc đẩy bằng các công cụ quản lý ví mô và bằng các chương trình đầu tư.

Các công trình đầu tư then chốt đến năm 2000 có thể kể đến như:

- Đưa tổng số hợp đồng tìm kiếm thăm dò và khai thác dầu khí lên 28-30 hợp đồng, với sản lượng khai thác 20-25 triệu tấn dầu thô vào năm 2000.

- Xây dựng từ 1-2 nhà máy lọc dầu, có công suất 10 triệu tấn/năm, xây dựng ngành hóa dầu, sử dụng khí đồng hành.

- Xây dựng thêm 4-5 nhà máy xi măng, có công suất mỗi nhà máy khoảng 1,5 triệu tấn/năm.

- Đẩy mạnh công

ngiệp chế biến từ nguyên liệu sắt, đồng, apatit, bôxít, than.

- Đưa công nghiệp luyện kim đen đạt sản lượng 1 triệu tấn thép cán năm 2000.

- Đầu tư phát triển ngành cơ khí: lắp ráp xe máy, ô tô, chế biến nông, lâm, hải sản.

- Xây dựng một số nhà máy điện (nhiệt và thủy điện) có quy mô vừa và lớn.

- Phát triển công nghiệp hóa chất: phân đạm, xút, soda, cao su kỹ thuật...

- Xây dựng 7-8 khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung tại TP.HCM, Biên Hòa, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ...

- Đẩy mạnh đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo hình thức đầu tư B.O.T (Building - Operate - Transfert) - hình thức xây dựng-vận hành-chuyên giao.

2. Chính sách tài chính tiền tệ

Trong cơ chế thị trường, tài chính-tiền tệ là công cụ quản lý vĩ mô hữu hiệu; trong đó, trung tâm là chính sách thuế. Thuế ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của nhà đầu tư. Mặt khác, thuế lại là nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước. Chính sách thuế cần đảm bảo sự cân bằng giữa hai lợi ích: lợi ích tài chính của cá thể nhà đầu tư và lợi ích công cộng của toàn thể xã hội. Chính sách thuế không tự nhiên sinh ra, mà do Nhà nước quy định.

Trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài ở VN, với mục tiêu đầu tư chung là lợi nhuận, các nhà đầu tư nước ngoài khi nghiên cứu môi trường đầu tư VN đều phân tích rất kỹ lưỡng, từ những vấn đề liên quan đến thuế trong đầu tư, có so sánh đối chiếu với các mức thuế của các nước trong khu vực.

Tháng 3.1994 vừa qua, khi nhà nước ban hành và phổ biến quy chế đầu tư BOT, ngay lập tức đã được các nhà đầu tư nước ngoài nghiên cứu, xem xét rất kỹ lưỡng trên giác độ thuế và hoàn nghênh. Ông Mark A.L, chuyên gia trong công ty Baker & McKenzie, một công ty luật hàng đầu thế

giới, với 1.800 luật sư, 55 văn phòng đại diện ở 30 nước trên thế giới đã nhận xét: "Quy chế về các dự án BOT của chính phủ VN được xếp vào loại tiến bộ trong khu vực. Thứ nhất là mức thuế suất lợi tức 10%, tiếp theo là miễn thuế lợi tức trong 4 năm, kể từ năm hoạt động kinh doanh sinh lời đầu tiên. Hơn thế nữa, về lĩnh vực thuế ở VN có được sự chắc chắn và rõ ràng. Việc giảm thuế suất ở mức 5% đối với toàn bộ thu nhập chuyển ra nước ngoài cũng thật sự hấp dẫn và những các quy định khác như miễn đóng tiền thuế đất cũng thể hiện sự tiến bộ. Việc miễn thuế nhập khẩu thiết bị cũng hấp dẫn, việc này, từ đầu, góp phần hạn chế một số rủi ro có thể xảy ra như sự thay đổi mức thuế suất nhập khẩu, điều có thể làm chùn bước một số nhà đầu tư". Tuy nhiên trong lĩnh vực thuế, các nhà đầu tư nước ngoài phân nản nhiều về việc thay đổi quá nhiều lần thuế xuất-nhập khẩu, đặc biệt là thuế tạm nhập, tái xuất khẩu của VN.

3. Chính sách tài nguyên quốc gia

Trong quản trị dự án đầu tư, việc phân bổ tài nguyên hợp lý và sử dụng có hiệu quả chúng là một yêu cầu quan trọng. Tài nguyên quốc gia là sở hữu của cộng đồng xã hội, do nhà nước quản lý. Sự giàu có hoặc nghèo nàn lạc hậu của một quốc gia, gắn liền với sự khai thác và sử dụng tài nguyên. Theo nghĩa rộng, tài nguyên quốc gia bao gồm hai thành phần chính: tài nguyên thiên nhiên và tài nguyên con người (xã hội).

CHÍNH SÁCH BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Trong bối cảnh của thị trường đầu tư sôi động trên thế giới, khi mà "cầu" về tổng vốn đầu tư trên toàn thế giới hàng năm là 300 tỷ USD, trong khi "cung" lại chỉ có thể bằng 200 tỷ USD, sự mất cân bằng giữa cung-cầu nói trên ắt dẫn đến sự cạnh tranh trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Từ nửa cuối thập niên 50 trở lại đây, vùng lòng chảo TBD trở thành một

vùng kinh tế phát triển năng động, trở thành một thị trường đầu tư sôi động nhất trên thế giới, là nơi thu hút được nhiều vốn đầu tư của các quốc gia phát triển.

Trong hai thập niên 70-80, vùng Đông A-Đông Nam Á đã thu hút được 13-16% tổng vốn đầu tư thế giới, trong khi Châu Mỹ La Tinh 8,7% và Châu Phi dưới 3%.

Một trong những nguyên nhân quan trọng thu hút được nhiều vốn đầu tư nước ngoài của vùng lòng chảo TBD là có tài nguyên thiên nhiên phong phú, đặc biệt tại các nước Đông Nam Á.

VN là một quốc gia trong khu vực, có vị trí địa lý thuận lợi, là cửa ngõ của bán đảo Đông Dương, một trong số cửa ngõ chính của vùng Đông Nam Á.

Tiềm năng tài nguyên thiên nhiên của VN là to lớn, lại trải qua trên 30 năm chiến tranh, còn được khai thác ở mức độ thấp, là "đầu vào" quan trọng hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài với nguồn nguyên liệu tại chỗ còn tương đối rẻ. Việc khai thác và sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú này đang triển khai các dự án đầu tư nước ngoài, không kể không có sự quản lý của chặt chẽ của nhà nước với chính sách thuế tài nguyên hợp lý, chính sách sử dụng và bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là chính sách bảo vệ môi trường sinh thái, không những cho lợi ích

trước mắt, mà còn cho nhiều thế hệ mai sau.

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

Theo lý thuyết phát triển, khi đề cập đến các yếu tố để phát triển, thường dùng quan hệ.

$$D = f(C, R, L, T)$$

Trong đó:

D (Development) : Sự phát triển của một quốc gia
C (Capital) : Nguồn vốn phát triển

R (Resources) : Nguồn tài nguyên thiên nhiên

L (Labour) : Nguồn lao động

T (Technology) : Khả năng công nghệ

Quan hệ trên đã được thế giới thừa nhận, khi nghiên cứu các quốc gia được công nghiệp hóa vào các thời kỳ thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20 (1800-1960).

Ngày nay, dưới tác động của cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại, yếu tố được đánh giá là quan trọng hàng đầu trong phát triển, là yếu tố gần như duy nhất và chỉ có một mà thôi, đó là lao động của con người.

VN có nguồn lao động dồi dào, với dân số sẽ vào khoảng 75-80 triệu người vào năm 2000 (1993-71,7 triệu người), có lực lượng lao động đông đảo về số lượng, trẻ về lứa tuổi, nhưng chủ yếu là chất lượng của lao động. Hãy xét về một chỉ tiêu so sánh là tỷ lệ người biết chữ từ 10 tuổi trở lên của VN với các nước khác cho thấy: VN 87,7% (1989) còn Trung Quốc 69,3%, Ấn Độ 43,5%, Indonesia 74,1%,

Philippines 85,7%, Pakistan 30%, Iran 50,8% và chỉ kém có Thái Lan 91,0%. Khi làm việc với lao động VN, các nhà kinh doanh đầu tư Mỹ ở công ty FOSANNA nhận xét:

Khách hàng của FOSANNA ở Mỹ rất ưa thích sản phẩm của công ty và họ đánh giá cao sự khéo tay cũng như kỹ thuật cao của các thợ mộc VN... Đặc biệt các thợ VN có bàn tay rất khéo, nếu được đầu tư thích đáng, chúng tôi tin rằng, họ có thể cho ra đời các sản phẩm đẹp, xếp vào loại hàng đầu thế giới trong tương lai.

Khẳng định yếu tố quan trọng nhất trong phát triển là con người, Báo cáo chính trị tại Đại hội đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ của Đảng (khóa 7) đã nhấn mạnh:

Nguồn vốn lớn nhất, quý nhất, quyết định nhất, không thể thay thế được là con người VN.

Trong các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiện nay đang thực hiện nghị định số 233/HDBT, ngày 22.6.1990 của chính phủ về "Quy chế lao động đối với xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài", quyết định số 242/LĐTBXH-QĐ, ngày 5.5.1992 của Bộ lao động thương binh và xã hội về mức lương tối thiểu của lao động trong các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nghị định số 43/CP, ngày 22.6.1993 của chính phủ "Quy định tạm thời chế độ bảo hiểm xã hội". Nhằm bảo vệ quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động, các nhà đầu tư mong muốn nhà nước sớm ban hành Bộ luật lao động để thực hiện trong thời gian tới.

Ngày nay, sự phát triển của một quốc gia đòi hỏi sự kết hợp hài hòa giữa vai trò Nhà nước và thị trường trong công cuộc đổi mới ở nước ta, vận dụng linh hoạt sự điều tiết của nhà nước trong cơ chế thị trường là yếu tố quan trọng hàng đầu tạo ra môi trường đầu tư thuận lợi, góp phần đẩy mạnh hoạt động đầu tư nước ngoài ở VN nhằm thúc đẩy quá trình phát triển của đất nước ♣

